KT3-02091BXD8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/03/2019
Page 01/02

1. Tên mẫu : **HICRETE FLEX PU**
   Name of sample

2. Số lượng mẫu : 01 (5 kg dạng lỏng màu xám/ *Grey liquid*)
   Quantity

3. Ngày nhận mẫu : 20/12/2018
   Date of receiving

4. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT XD HI - CRETE**
   Customer **51 Huỳnh Mẫn Đạt, P.19, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**

5. Thời gian thử nghiệm: 21/12/2018 – 04/03/2019
   Testing duration

7. Điều kiện thử nghiệm/ *Test condition*:
   - Lớp 1/*1st layer*
     - Tỷ lệ/ *Rating*: Nước/ *Water* : Hicrete Flex PU = 1 : 1 (theo khối lượng/ *by weight*)
     - Liều lượng quét lên nền bê tông: quét 1 lớp; 0,4 kg/m^2/lớp
       Dosage of coating on concrete substrate: coating with one layers; 0,4 kg/m^2/layer
   - Lớp 2/*2nd layer*:
     - Liều lượng quét lên nền bê tông: quét 2 lớp; 0,8 kg/m^2/lớp
       Dosage of coating on concrete substrate: coating with two layers; 0,8 kg/m^2/layer

8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang/ *See page* 02/02
   Test results

TL. PHỤ TRÁCH PTN XÂY DỰNG *FOR HEAD OF CIVIL ENGINEERING TESTING LAB.*	TL. GIÁM ĐỐC *PP. DIRECTOR* TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM *HEAD OF TESTING LAB.*
Trần Ngọc Sâm	**Nguyễn Tấn Tùng**

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 – TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG – BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

8. Kết quả thử nghiệm:
Test results

Tên chỉ tiêu *Characteristics*		Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*		
8.1. Cường độ bám dính (trên nền bê tông), *Adhesive strength (on concrete substrate)*	MPa	ASTM D 7234 - 12	1,92		
• Vị trí phá hủy *Failure pattern*			A		
8.2. Phần còn lại sau khi sấy (hàm lượng chất khô), *Residue by oven drying (dry material content)*	%	TCVN 8826 : 2011	53,9		
8.3. Độ bền kéo đứt [(1)], *Tensile strength*	MPa	Tham khảo/ *Refer to* ASTM D 412 – 16	6,42		
8.4. Độ giãn dài khi đứt [(1)], *Elongation at break*	%	Tham khảo/ *Refer to* ASTM D 412 – 16	348		
8.5. Độ cứng Shore A/ *Shore A hardness*		ASTM D 2240 - 15	92		
8.6. Độ thấm nước/ *Water permeability*		BS EN 12390 – 8 : 2000			
• Chiều sâu thấm nước (sau khi duy trì áp lực nước ở 0,5 MPa trong 72 h), *Depth of water penetration (maintain a water pressure of 0,5 MPa for 72 h)*	mm		0	0	0

Ghi chú/ *Notes*:

A: Phá hủy xảy ra bên trong lớp vật liệu nền/ *Cohesive failure within the substrate*

(1) Chiều dày mẫu thử khoảng 0,7 mm/ *Thickness of the test specimens is about 0,7 mm*

QUATEST 3®